

# Các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán giá trị hợp lý theo chuẩn quốc tế-lược khảo các nghiên cứu

Phạm Hồng Linh

Ngày nhận: 12/07/2018

Ngày nhận bản sửa: 13/07/2018

Ngày duyệt đăng: 24/08/2018

*Báo cáo tài chính (BCTC) công bố theo giá trị hợp lý (GTHL) cung cấp cho nhà đầu tư nhiều thông tin hơn khi các tài sản được công bố theo giá trị thực của nó. Điều này giúp BCTC trở nên minh bạch hơn với nhà đầu tư. Các nghiên cứu và thống kê đều chỉ ra rằng, những nước có thị trường vốn càng phát triển thì việc công bố thông tin theo GTHL càng phổ biến. Rủi ro cao liên quan đến hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính đòi hỏi các tổ chức phải chấp nhận các quy định nghiêm ngặt, do đó, cũng làm cho ngành này sớm chú ý đến GTHL hơn. Bài viết rà soát các nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kế toán theo GTHL, bao gồm môi trường kinh tế, môi trường pháp lý và thuế, môi trường nghề nghiệp, môi trường kinh doanh, môi trường quốc tế và môi trường văn hóa. Bài viết có thể được sử dụng để xây dựng mô hình nghiên cứu cụ thể tại từng vùng cũng như hỗ trợ chính phủ các nước đang trong quá trình triển khai báo cáo theo chuẩn quốc tế.*

*Từ khóa: Giá trị hợp lý, báo cáo tài chính, chuẩn mực quốc tế, IFRS*

**T**heo chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) 13, “Giá trị hợp lý là giá sẽ nhận được khi bán một tài sản hoặc phải trả khi thanh toán một khoản nợ phải trả trong một giao dịch thông thường giữa các

bên tham gia thị trường tại ngày đo lường”. Việc sử dụng GTHL từ lâu đã là bắt buộc ở các nước theo hệ thống Anglo-Saxon như Mỹ, Anh, Úc trong khi giá gốc lại phổ biến ở các nước châu Âu lục địa. Tuy nhiên, theo thời gian, GTHL đang ngày càng thắng thế khi

mà IFRS được các chuyên gia nhận định là ngày càng gần với các nguyên tắc thực hành kế toán Mỹ trong khi Ủy ban châu Âu cũng đã yêu cầu các công ty niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán châu Âu phải chuyển sang báo cáo theo IFRS từ năm 2005. Việt

Nam, với lịch sử là thuộc địa của Pháp, chịu nhiều ảnh hưởng của kế toán châu Âu lục địa với sự phổ biến của giá gốc trong các ghi nhận và báo cáo kế toán. Tuy nhiên, cùng với quá trình hội nhập quốc tế đang ngày càng sâu rộng, việc chuyển sang công bố thông tin theo các chuẩn mực quốc tế chỉ là việc sớm hay muộn. Bài viết sẽ lược khảo các nghiên cứu trên thế giới có liên quan đến các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế nói chung và kế toán theo GTHL nói riêng. Nhìn chung, phần lớn các nhân tố này có liên quan đến các yếu tố môi trường.

## 1. Môi trường kinh tế

Nhiều nghiên cứu đều khẳng định môi trường kinh tế có ảnh hưởng quan trọng đến các khung BCTC. Môi trường kinh tế cung cấp các cấu trúc xác định thông tin cần được báo cáo. Các yếu tố kinh tế chính ảnh hưởng đến sự phát triển của các khung BCTC là: Cổ phần hoá; Mở cửa kinh tế; Giai đoạn phát triển kinh tế; và Thương mại quốc tế. *Cổ phần hóa* làm tăng nhu cầu công khai thông tin tài chính. Ashraf và Ghani (2005) đã tìm ra mối liên hệ giữa sự phát triển của thực tiễn kế toán ở Pakistan với các mức phát triển kinh tế khác nhau bao gồm vai trò ngày càng tăng của khu vực tư nhân. Kamla (2007), Al-Shiab (2008), Alsharairi và Al-Abdullah (2008), và Al-Akra và các cộng sự (2009) coi cổ phần

hóa là một trong những động cơ thúc đẩy việc áp dụng IFRS ở Jordan.

*Mở cửa kinh tế:* Trong nền kinh tế mở cửa, môi trường đầu tư phải hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này nghĩa là phải có một khung BCTC tốt, đảm bảo chất lượng và có khả năng so sánh giữa các BCTC. Nhiều nước đang phát triển đã thay đổi khung BCTC với hy vọng tăng đầu tư nước ngoài. Mashayekhi và Mashayekh (2008) xác nhận rằng việc cải thiện các chuẩn mực kế toán và BCTC giúp BCTC hữu ích hơn cho các nhà đầu tư và là một cách để thu hút thêm đầu tư nước ngoài. Irvine và Lucas (2006) và Irvine (2008) cho rằng các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất (UAE) đã thông qua và triển khai IFRS để tạo ra mức đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cao hơn. Al-Shammari và các cộng sự (2007) tìm thấy một mối quan hệ thuận chiều giữa tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngân hàng và việc thông qua IFRS của các nước thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh (Gulf Cooperation Council- GCC). Áp dụng IFRS giúp các nước tăng mức tin cậy để cạnh tranh FDI trên thị trường vốn thế giới.

*Giai đoạn phát triển kinh tế:* Archambault và Archambault (2003) tuyên bố rằng các công ty cần tăng thêm vốn khi nền kinh tế phát triển hơn. Kết quả là, nhu cầu báo cáo tài chính tăng lên. Trong nghiên cứu ban đầu của mình, Nobes (1983) nói rằng các yếu tố

kinh tế (mức độ phát triển của nền kinh tế và bản chất của hệ thống kinh tế) là những yếu tố ảnh hưởng đến thực tiễn BCTC ở các nước đang phát triển. Al-Shammari và các cộng sự (2007) và Al-Shammari và các cộng sự (2008) thấy rằng tăng trưởng kinh tế đã khuyến khích việc áp dụng IFRS của các nước GCC.

*Thương mại quốc tế:* Các phương pháp BCTC được sử dụng bởi các đối tác thương mại quốc tế ảnh hưởng đến khung BCTC quốc gia. Irvine (2008), ví dụ, cho rằng các đối tác thương mại đã thúc đẩy UAE áp dụng IFRS. Các mối quan hệ thương mại giữa UAE và các nước châu Âu gây áp lực lên UAE phải áp dụng các tiêu chuẩn này. Ảnh hưởng của thương mại quốc tế cũng được xác nhận bởi các nghiên cứu khác (ví dụ: Gray, 1988 và Irvine, 2008).

## 2. Môi trường pháp lý và thuế

Môi trường pháp lý và thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến cách thức quản lý kế toán. Nhiều tác giả nhận thấy môi trường pháp lý có ảnh hưởng đáng kể đến việc xây dựng các tiêu chuẩn và thực hành kế toán, trong đó nổi bật là các nghiên cứu về ảnh hưởng của hai loại hệ thống pháp lý đối với một số vấn đề kế toán. Việc sử dụng giá trị hợp lý được nghiệm chứng có liên quan với một số thị trường thuộc các nước Anglo-Saxon, như Mỹ, Anh hoặc

Úc (Easton và các cộng sự, 1993; Hopwood & Schaefer, 1989; Lobo & Song, 1989; Aboody và các cộng sự, 1999; Barth & Clinch, 1999). Ngược lại, giá gốc và thận trọng đã thắng thế ở các nước châu Âu như Đức hay Pháp, trong bối cảnh các cơ quan chính phủ đặt mỗi quan tâm lên các vấn đề thuế sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Do đó, các công ty ở các quốc gia theo trường phái châu Âu lục địa phải thực hiện những thay đổi đáng kể trong BCTC khi áp dụng IFRS (đại diện cho hệ thống Anglo-Saxon). Việc sử dụng IFRS gây ra nhiều hậu quả thị trường cho các công ty từ các quốc gia theo hệ thống châu Âu lục địa hơn là cho các công ty từ các quốc gia theo hệ thống Anglo-Saxon (theo Prather-Kinsey và các cộng sự, 2008). Perera và Baydoun (2007) cũng tìm thấy bằng chứng cho thấy sự khác biệt giữa hệ thống pháp luật ở Indonesia và các nước Anglo-Saxon làm cho việc chấp nhận IFRS trong xã hội Indonesia gặp vấn đề. Điều này cũng có giá trị đối với các nước đang phát triển khác (Ong và cộng sự, 2004; Gordon, 2008). Môi trường thuế cũng có tác động đến khung BCTC. Francis và các cộng sự (2002) chỉ ra rằng các quy tắc thuế tách biệt với hệ thống Anglo-Saxon nhưng lại chỉ phối hệ thống châu Âu lục địa. Mặc dù ở các nước Anglo-Saxon (như Anh) chính sách kế toán có thể bị ảnh hưởng trong một số lĩnh vực nhất định bởi thuế, ở các nước châu Âu lục

địa (như Đức), có một liên kết ràng buộc toàn diện giữa thuế và các quy tắc kế toán (Blake và các cộng sự, 1997; 1998). Liên kết giữa thuế và kế toán là biến động, do đó, theo thời gian, đã có một số thay đổi về mức độ phụ thuộc giữa kế toán và thuế tại các nước châu Âu. Tuy nhiên, đến hiện tại, liên kết này vẫn được được bảo tồn, ở cấp quy tắc hoặc chỉ ở cấp độ thực hành (Aisbitt, 2002; Tzovas, 2006). Aisbitt (2002), trên cơ sở kết luận rằng IFRS có khả năng đẩy nhanh sự khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận chịu thuế trong các tài khoản nhóm, rằng hiệu ứng này sẽ được duy trì trong tài khoản của chủ thể và liên kết ràng buộc giữa thuế và tài khoản tài chính nhìn chung sẽ bị xóa.

### 3. Môi trường nghề nghiệp

Chất lượng của BCTC bị ảnh hưởng bởi mức độ phát triển của nghề kế toán. Sự phát triển của nghề kế toán là một khái niệm rộng. Nó có thể được đo bằng nhiều cách, trong đó, các chỉ số quan trọng là: Sự đầy đủ của các chuẩn mực kế toán, sự hiện diện và tầm quan trọng của các hiệp hội nghề nghiệp, mức độ đầy đủ của các chứng chỉ kế toán, và sự ủng hộ pháp luật và điều lệ quy tắc.

*Chuẩn mực kế toán:* Chand và Patel (2008) khẳng định rằng các chuẩn mực và thực hành kế toán hiện hành được thiết lập theo truyền thống. Chúng có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình hội tụ với

IFRS. Lundqvist và các cộng sự (2008) bổ sung thêm rằng các phương pháp kế toán hiện hành có thể dẫn đến áp dụng sai các chuẩn mực.

*Hiệp hội nghề nghiệp kế toán:* Askary (2006b) chỉ ra rằng các hiệp hội nghề nghiệp kế toán và kiểm toán quốc gia nên tích cực tham gia vào việc phát triển các chức năng kế toán và kiểm toán. Ali và Hwang (2000) nhận thấy giá trị của dữ liệu kế toán tài chính thấp hơn ở các quốc gia mà các hiệp hội tư nhân không tham gia vào quá trình thiết lập chuẩn mực.

*Trình độ của nhân viên kế toán:* Một số nghiên cứu (Chen và cộng sự, 2002; Spathis và Georakopoulou, 2007; và Lundqvist và cộng sự, 2008) xác nhận ảnh hưởng của trình độ kế toán lên sự phát triển khung BCTC và áp dụng IFRS. Chand và Patel (2008) thấy rằng sự sẵn có và kinh nghiệm của kế toán viên chuyên nghiệp ảnh hưởng đến việc hướng tới IFRS.

*Sự ủng hộ pháp luật và quy tắc điều lệ:* Chất lượng kế toán thấp khi thiếu các cơ chế quản lý và thực thi hiệu quả. Needles và các cộng sự (2002) thấy rằng các quy định và kiểm soát chất lượng của kiểm toán là yếu tố quan trọng để có được BCTC chất lượng cao. Ashraf và Ghani (2005) cho rằng cơ chế thực thi là chìa khóa trong việc cải thiện chất lượng BCTC ở Pakistan. Muller, Riedl và Sellhorn (2008) thấy rằng các doanh nghiệp không tiết lộ thông tin GTHL đến từ các quốc gia có

bảo vệ pháp lý, thực thi pháp luật yếu hơn và tham nhũng cao hơn.

#### 4. Môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh xác định mức độ hình thức và nội dung thông tin cần thiết và do đó giúp định hình các quy tắc và thực tiễn khung BCTC. Một số yếu tố đáng chú ý trong môi trường kinh doanh: Đặc điểm của công ty; Mức độ phát triển thị trường vốn; và Loại hệ thống tài chính hiện tại.

Đặc điểm của công ty được cho là ảnh hưởng đến loại thông tin kế toán cần thiết và do đó các đặc tính cần thiết của khung BCTC. Các đặc điểm có ảnh hưởng nhất là quy mô, ngành, loại hình doanh nghiệp, tập trung quyền sở hữu và trạng thái niêm yết/ niêm yết chéo.

*Quy mô doanh nghiệp* ảnh hưởng đến việc áp dụng IFRS và mức độ tuân thủ các yêu cầu của chúng. Hung và Subramanyam (2007) cho rằng ở Đức những công ty sớm chấp nhận IFRS có quy mô lớn hơn so với các công ty khác. Joshi và Ramadhan (2002) xác nhận ảnh hưởng của quy mô công ty đến mức độ liên quan với IFRS của các công ty Bahrain. Floropoulos (2006) cho thấy rằng quy mô công ty ảnh hưởng đến việc tuân thủ IFRS và sự quen thuộc với các chuẩn mực này. *Ngành:* Rủi ro cao liên quan đến hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tài chính khác đòi hỏi phải chấp nhận các

quy định nghiêm ngặt. Vì vậy, sự phổ biến của ngành ngân hàng là một chỉ báo cho mức độ công bố và theo sau là nội dung của BTC. Elsayed và Hoque (2010) cho rằng mức độ công bố của các công ty trong các ngành được quản lý chặt như ngân hàng, bảo hiểm và chứng khoán sẽ chủ yếu được điều chỉnh bởi thực tiễn pháp lý. Demaria và Dufour (2007) khi nghiên cứu về việc chấp nhận IFRS tại Pháp đã tìm thấy một liên kết thuận chiều giữa việc chấp nhận GTHL và yếu tố thành viên của ngành tài chính. Điều này được lý giải là do ngành này được tạo ra để mua và bán tài sản đầu tư nên có thể khuyến khích việc chấp nhận GTHL.

*Loại hình công ty:* Tzovas (2006) tuyên bố rằng chính sách kế toán bị ảnh hưởng bởi loại hình pháp lý của công ty (đại chúng hay nội bộ). Abd-El salam và Weetman (2003) chỉ ra rằng các công ty đại chúng xuất hiện trước công chúng nhiều hơn qua các tin tức và được chính phủ thường xuyên đánh giá đối với các chương trình cổ phần hóa và công bố thông tin nhiều hơn các công ty nội bộ.

*Sở hữu tập trung:* Rahman và các cộng sự (2002) thấy rằng mật độ sở hữu có tương quan nghịch với việc tự nguyện công bố. Muller, Riedl và Sellhorn (2008) tìm thấy bằng chứng cho thấy rằng nhu cầu của nhà đầu tư về thông tin GTHL được phản ánh trong quyền sở hữu phân tán hơn và việc công ty cam kết với báo cáo minh bạch sẽ tăng khả

năng cung cấp thông tin theo GTHL.

*Niêm yết/niêm yết chéo:* Nhìn chung, các công ty niêm yết công bố nhiều hơn các công ty chưa niêm yết vì họ cần đáp ứng nhu cầu thông tin của các bên liên quan khác nhau. Chính sách công bố của công ty bị ảnh hưởng bởi các chính sách công bố của sàn mà nó đang giao dịch (Archambault và Archambault, 2003). Đối với việc áp dụng IFRS, các công ty niêm yết có xu hướng tuân thủ IFRS sớm hơn và dễ dàng hơn các công ty chưa niêm yết. Việc tuân thủ với IFRS của các công ty này cũng lớn hơn so với các công ty chưa niêm yết (Floropoulos, 2006).

Các công ty niêm yết chéo trên thị trường chứng khoán nước ngoài công bố thêm thông tin bởi vì họ phải tuân thủ các quy định của nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu của thị trường vốn để huy động được vốn theo các điều kiện thuận lợi (Haniffa và Cooke, 2002). Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài có thể yêu cầu công bố nhiều thông tin hơn so với sở giao dịch trong nước. Việc áp dụng IFRS cũng bị ảnh hưởng bởi niêm yết chéo. Niêm yết trên thị trường chứng khoán nước ngoài ảnh hưởng đến việc tuân thủ với IFRS của các công ty đa quốc gia (El-Gazzar và cộng sự, 1999). Taylor và Jones (1999) cho rằng áp dụng IFRS là phương pháp chính thúc đẩy các danh mục chứng khoán xuyên biên giới. Hung và Subramanyam (2007) xác



nhận ảnh hưởng của niềm yết chéo đối với việc áp dụng IFRS của các công ty Đức.

#### *Phát triển của thị trường vốn:*

Thị trường vốn ảnh hưởng đến các quy tắc kế toán và thực tiễn thi hành. Ở một số vùng, kế toán được điều chỉnh chủ yếu bởi các quy định của thị trường vốn. Hơn nữa, sự thúc đẩy cho những thay đổi trong thực tiễn kế toán dường như đến từ các thị trường vốn (Perumpral và các cộng sự, 2009). Ảnh hưởng của thị trường vốn lên việc công bố được Roudaki (2008) xác nhận. Ông cho rằng thị trường vốn đóng một vai trò quan trọng trong việc thuyết phục các công ty sử dụng các chuẩn mực kế toán một cách hữu hiệu và tăng cường các khung BCTC của họ theo hướng công khai, thống nhất và có khả năng so sánh hơn. Các tác giả khác cũng chỉ ra ảnh hưởng của thị trường vốn trên các quy tắc và thực hành kế toán bao gồm việc áp dụng IFRS (ví dụ: Adhikari và Tondkar, 1992; Chamisa, 2000; Needles và cộng sự, 2002; Zeghal và Mhedhbi, 2006; Mashayekhi và Mashayekh, 2008).

*Loại hệ thống tài chính* ảnh hưởng đến định hướng công bố của công ty. Nobes (1998) chỉ ra rằng hệ thống tài chính xác định mục đích của BCTC. Sự khác biệt về mục đích sẽ dẫn đến sự khác biệt trong thực hành kế toán. Khung BCTC phục vụ thị trường cổ phiếu được yêu cầu cung cấp thông tin liên quan về hiệu suất và đánh giá dòng

tiền trong tương lai để giúp nhà đầu tư đưa ra quyết định tài chính. Ngược lại, mức độ công bố trong khung BCTC phục vụ chủ nợ là thấp. Các hệ thống này được định hướng để đáp ứng nhu cầu của chủ nợ và cơ quan thuế, những người có thể có được thông tin cần thiết thông qua các phương tiện khác ngoài BCTC. Deaconu và Buiga (2011) cho rằng mối liên hệ giữa GTHL và môi trường kế toán thể hiện sự liên kết của giá trị hợp lý đối với các công cụ tài chính. Một mặt, ở các thị trường vốn phát triển, tài chính của các tổ chức chủ yếu được hỗ trợ bởi thị trường này, do đó, thị trường đòi hỏi phải công bố thông tin về giá trị hợp lý (giá trị thị trường) của các công cụ vốn chủ sở hữu. Mặt khác, các giá trị thị trường đối với loại tài sản này có thể thu thập được dễ dàng và cũng đáng tin cậy hơn.

#### **5. Môi trường văn hoá**

Một số lượng đáng kể các nghiên cứu trước đây đề cập đến mối quan hệ giữa khung BCTC và môi trường văn hóa. Các nghiên cứu được biết đến rộng rãi nhất là bởi Hofstede (1980, 1983, và 1984) và Gray (1988). Hai tác giả đã đề xuất các mô hình liên kết giá trị văn hóa với khung BCTC của một quốc gia. Mô hình Hofstede-Gray đã được sử dụng trong nhiều nghiên cứu để kiểm tra ảnh hưởng của văn hóa lên kế toán. MacArthur (1996) đã điều tra ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa đến

các thư bình luận của công ty được gửi trên E32 của IASC (tính có khả năng so sánh của các BCTC). Ông thấy rằng các yếu tố văn hóa và văn hóa kế toán ảnh hưởng đến việc ưa thích kế toán quốc tế về quản lý doanh nghiệp. Dahawy (2009) xác nhận ảnh hưởng của các giá trị văn hóa đến việc công bố. Ông thấy rằng mức độ công bố của các công ty Ai Cập bị ảnh hưởng bởi văn hóa Ai Cập bí mật cao. Perera và Baydoun (2007) tuyên bố rằng ngành kế toán của Indonesia nhiều khả năng xếp hạng cao trên cả khía cạnh thận trọng và bí mật, dựa trên mức độ chuyên nghiệp thấp và khoảng cách quyền lực lớn ở Indonesia. Điều này dẫn đến mức độ minh bạch thấp trong các BCTC.

#### **6. Môi trường quốc tế**

Môi trường quốc tế có thể đóng góp rất nhiều trong việc định hình các đặc điểm của khung BCTC, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Kế toán ở một quốc gia cụ thể có thể được phát triển là kết quả của sự gia nhập của đất nước vào cộng đồng quốc tế. Các đối tác quốc tế (các quốc gia, các tổ chức) có thể khuyến khích hoặc thúc giục một quốc gia sử dụng các quy tắc kế toán cụ thể.

Các công ty kế toán quốc tế lớn đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển kế toán quốc tế. Họ là những người ủng hộ nhiệt tình sự hài hòa kế toán. Chand và Patel (2008) nhận thấy rằng sự hiện

diện của các công ty kế toán quốc tế là một trong những thuộc tính ảnh hưởng đến sự hội tụ với IFRS. Trong bối cảnh tương tự, Irvine và Lucas (2006) và Irvine (2008) cho rằng việc áp dụng IFRS của UAE được lấy cảm hứng từ các công ty kế toán quốc tế. Joshi và Ramadhan (2002) và Joshi và các cộng sự (2008) cũng xác nhận điều này cho Bahrain.

Sau toàn cầu hóa kinh tế, vai trò của các tổ chức quốc tế đã trở nên quan trọng hơn. Các tổ chức như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) giúp định hình các đặc điểm chính của nền kinh tế toàn cầu. Kế toán cũng bị ảnh hưởng bởi các tổ chức này. Mashayekhi và Mashayekh (2008) cho rằng việc gia nhập WTO tác động đáng kể đến môi trường giao dịch của các nước thành viên. Trong bối cảnh tương tự, Irvine (2008) tuyên bố rằng các khoản vay và hỗ trợ phát triển kinh tế của WB và IMF là vì các động cơ lợi ích. Tác giả cũng chỉ ra rằng WB đã thúc đẩy các nước áp dụng IFRS hoặc phát triển các tiêu

chuẩn quốc gia dựa trên IFRS, trong một số trường hợp làm cho việc áp dụng IFRS là một yêu cầu đối với các khoản vay của họ. Chamisa (2000) đồng ý rằng WB và IMF ngày càng đòi hỏi việc sử dụng IFRS đối với những người nhận tài chính của họ.

Một số nghiên cứu nhấn mạnh vai trò quan trọng của các công ty đa quốc gia (MNCs) trong việc khuyến khích việc áp dụng IFRS. Al-Shammari và các cộng sự (2007) và Al-Shammari và các cộng sự (2008) chỉ ra rằng áp lực từ các MNCs là một trong những lý do khiến các chính phủ của các nước thành viên GCC thông qua các IFRS. Irvine và Lucas (2006) và Irvine (2008) xác nhận vai trò của các MNCs trong việc áp dụng IFRS của UAE. Kết quả tương tự được tìm thấy bởi Joshi và Ramadhan (2002) ở Bahrain.

## 7. Kết luận

Các nhân tố như môi trường kinh tế, môi trường pháp lý, môi trường nghề nghiệp, môi trường kinh doanh, môi trường quốc tế, yếu tố văn hóa đều có ảnh hưởng khác nhau

đến việc áp dụng các chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế nói chung và giá trị hợp lý nói riêng. Trong đó, môi trường kinh tế và kinh doanh tạo ra các động cơ trong khi môi trường quốc tế tạo ra các áp lực cho các công ty và quốc gia phải chuyển sang báo cáo theo chuẩn quốc tế. Môi trường pháp lý và môi trường nghề nghiệp ảnh hưởng đến quá trình triển khai áp dụng kế toán theo chuẩn quốc tế (sẽ dễ dàng triển khai hay hay sẽ gặp rất nhiều khó khăn). Cuối cùng, môi trường văn hóa tác động đến việc ưa thích (hay sẵn sàng) chấp nhận các chuẩn mực báo cáo quốc tế của lãnh đạo các tổ chức, là yếu tố có thể đẩy nhanh hoặc trì hoãn quá trình triển khai áp dụng báo cáo theo chuẩn quốc tế tại các quốc gia. Các lược khảo nghiên cứu có thể sử dụng để xây dựng mô hình nghiên cứu cụ thể tại từng vùng khác nhau và giúp các quốc gia đang trong quá trình chuyển đổi sang chuẩn mực báo cáo quốc tế hiểu rõ thuận lợi cũng như những khó khăn, thách thức trong quá trình triển khai, từ đó, đẩy nhanh tốc độ thực hiện quá trình này. ■

## Tài liệu tham khảo

1. Abd-Elsalam, O., H., Weetman, P. (2003). *Introducing international accounting standards to an emerging capital market: relative familiarity and language effect in Egypt*. *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, 12, 63-84.
2. Aboody, D., Barth, M.E., & Kasznik R. (1999). *Revaluations of fixed assets and future firm performance: Evidence from the UK*. *Journal of Accounting and Economics*, 26(1): 149-178.
3. Adhikari, A., and Tondkar, R. H. (1992). *Environmental factors influencing accounting disclosure requirements of global stock exchanges*. *Journal of International Financial Management and Accounting*, 4(2), 75-105.
4. Aisbitt, S. (2002). "Tax and accounting rules: some recent developments", *European Business Review*, 14(2), 92-97
5. Al-Akra, M., Ali, M. J., and Marashdeh, O. (2009). *Development of accounting regulation in Jordan*. *The International Journal of Accounting*, 44, 163-186.
6. Ali, A., and Hwang, L. (2000). *Country-specific factors related to financial reporting and the value relevance of accounting data*. *Journal of Accounting Research*, 38, 1-23.
7. Al-Shammari, B., Brown, P., and Tarca, A. (2007). *Development of enforcement mechanisms following adoption of International*

*Accounting Standards in the Gulf Co-Operation Council Member States. Working paper, University of Western Australia.*

8. Al-Shammari, B., Brown, P., and Tarca, A. (2008). An investigation of compliance with international accounting standards by listed companies in the Gulf Co-Operation Council member states. *The International Journal of Accounting*, 43, 425–447.
9. Alsharairi, M. A., and Al-Abdullah, R. J. (2008). The impact of adopting IASs on the Jordanian environment: The perspective of accountants, auditors and academicians 'an exploratory study'. *International Conference on Business Globalization: Challenges and Opportunities in the 21st Century*.
10. Al-Shiab, M. S. (2008). The effectiveness of International Financial Reporting Standards adoption on cost of equity capital: a vector error correction model. *International Journal of business*, 13(3), 271–298.
11. Archambault, J. J., and Archambault, M. E. (2003). A multinational test of determinants of corporate disclosure. *The International Journal of Accounting*, 38, 173–194.
12. Ashraf, J., and Ghani, W. I. (2005). Accounting development in Pakistan. *The International Journal of Accounting*, 40, 175–201.
13. Askary, S. (2006b). Accounting professionalism—a cultural perspective of developing countries. *Managerial Auditing Journal*, 21(1), 102–111.
14. Barth, M.E. & Clinch G. (1999). Revalued financial, tangible and intangible assets: associations with share prices and non-market-based value estimates. *Journal of Accounting Research*, 36, 199–232
15. Blake, J., Akerfeldt, K. & Gowthorpe, C. (1998) "The relationship between tax and accounting rules – the Swedish case", *European Business Review*, 97(2), 85–91
16. Blake, J., Amat, O., Gowthorpe C. & Pilkington C. (1997) "International accounting harmonization – a comparison of Spain, Sweden and Austria", *European Business Review*, 98(3), 144–150
17. Chamisa, E. E. (2000). The relevance and observance of the IASC standards in developing countries and the particular case of Zimbabwe. *The International Journal of Accounting*, 35(2), 267–286.
18. Chand, P., and Patel, C. (2008). Convergence and harmonization of accounting standards in the South Pacific region. *Advances in Accounting, incorporating Advances in International Accounting*, 24, 83–92.
19. Chen, S., Sun, Z., and Wang, Y. (2002). Evidence from China on whether harmonized accounting standards harmonize accounting practices. *Accounting Horizons*, 16(3), 183–197.
20. Dahawy, K. (2009). Company characteristics and disclosure level: the case of Egypt. *International Research Journal of Finance and Economics*, 34, 194–208.
21. Deaconu, A., & Buiga, A. (2011). Accounting and the Environmental Factors—an Empirical Investigation in Post-Communist Romania. *Accounting and Management Information Systems*, 10(2), 135–168.
22. Demaria, S., & Dufour, D. (2007). First time adoption of IFRS, Fair value option, Conservatism: Evidences from French listed companies. In 30<sup>ème</sup> colloque de l'EAA, 1–24.
23. Easton P.D., Edey, P.H. & Harris T.S. (1993). An Investigation of Revaluations of Tangible Long Lived Assets. *Journal of Accounting Research Supplement* 1993, 1–38
24. El-Gazzar, S. M., Finn, P. M., and Jacob, R., (1999). An empirical investigation of multinational firms' compliance with International Accounting Standards, *The International Journal of Accounting*, 34(2), 239–248.
25. Elsayed, M. A., and Hoque, Z. (2010). Perceived international environmental factors and corporate voluntary disclosure practices: An empirical study. *The British Accounting Review*, 42, 17–35.
26. Floropoulos, I. (2006). IFRS- First time users: some empirical evidence from Greek companies. *SPOUDAI*, 56(3), 39–70.
27. Francis, J., Schipper, K. & Vincent, L. (2002). Earnings announcements and competing information. *Journal of Accounting and Economics*, 33, 313–342
28. Gordon, E.A. (2008). Sustainability in global financial reporting and innovation in institutions. *Accounting Research Journal*, 21(3), 231–38
29. Gray, S. J. (1988). Towards a theory of cultural influence on the development of accounting systems internationally. *ABACUS*, 24, 1–15.
30. Haniffa, R. M., and Cooke, T. E. (2002). Culture, corporate governance and disclosure in Malaysian corporations. *Abacus*, 38(3), 317–349.
31. Hofstede G. (1980). Culture's consequences: international differences in work-related values. Beverly HILLS, CA: Sage.
32. Hofstede G. (1983). The cultural relativity of organizational practices and theories. *Journal of International Business Studies*, 14(2), 75–89.
33. Hopwood, W. & Schaefer T. (1989). Firm-specific responsiveness to input price changes and the incremental information in current cost income", *The Accounting Review*, 64, 313–328
34. Hofstede G. (1984). Cultural Dimensions in Management and Planning. *Asian and Pacific Journal of Management*, 83–84.
35. Hung, M., and Subramanyam, K. R. (2007). Financial statement effects of adopting international accounting standards: the case of Germany. *Review of Accounting Studies*, 12(4), 623–657.
36. Irvine, H. J., and Lucas, N. (2006). The rational and impact of the adoption of International Financial Reporting Standards: the case of the United Arab Emirates. 18th Asian-Pacific Conference on International Accounting Issues, 1–22.
37. Irvine, H. (2008). The global institutionalization of financial reporting: the case of the United Arab Emirates. *Accounting Forum*, 32, 125–142.
38. Joshi, P. L., and Ramadhan, S. (2002). The adoption of international accounting standards by small and closely held companies:

evidence from Bahrain. *The International Journal of Accounting*, 37, 429-440.

39. Lobo, G.J. & Song I. (1989). The incremental information in SFAS No. 33 income disclosures over historical cost income and its cash and accrual components. *The Accounting Review*, 64(2), 329-343

40. Lundqvist, P., Marton, J., Pettersson, A. K., and Rehnberg, P. (2008). IFRS implementation in listed companies – identification of factors leading to inconsistent application. Conference paper, School of Business, Economics and Law, Gothenburg University.

41. MacArthur, J. B. (1996). An investigation into the influence of cultural factors in the international lobbying of the International Accounting Standards Committee: The case of E32, Comparability of Financial Statements. *The International Journal of Accounting*, 31(2), 213-237.

42. Mashayekhi, B., and Mashayekh, S. (2008). Development of accounting in Iran. *The International Journal of Accounting*, 43(1), 66-86.

43. Muller, K.A, Riedl, E.J., and Sellhorn, T. (2008). Consequences of Voluntary and Mandatory Fair Value Accounting: Evidence Surrounding IFRS Adoption in the EU Real Estate Industry. (No. 09-033). Boston, MA: Harvard Business School.

44. Needles Jr., B. E., Ramamoorti, S., and Shelton, S.W. (2002). The role of international auditing in the improvement of international financial reporting. *Advances in International Accounting*, 15, 181-201.

45. Nobes, C. W. (1998). Toward a general model of reasons for international differences in financial reporting. *ABACUS*, 34(2), 495-519.

46. Ong, A., Lin W.-Y. & Hsu, H. (2004). Internationalizing accounting standards. The conflict of objectives and constraints. *Journal of Management Research*, 4(1), 46-52

47. Perera, H., and Baydoun, N. (2007). Convergence with International Financial Reporting Standards: the case of Indonesia. *Advances in International Accounting*, 20, 201-224.

48. Perumpral, S. E., Evans, M., Agarwal, S., and Amenkhiennan, F. (2009). The evolution of Indian accounting standards: Its history and current status with regard to International Financial Reporting Standards. *Advances in Accounting*, 25, 106-111.

49. Prather-Kinsey, J., Jermakowicz, E. K., and Vongphanith, T. (2008). Capital market consequences of European firms' mandatory adoption of IFRS. Working paper. Conference paper, AAA Anaheim.

50. Rahman, A., Perera, H., and Ganesh, S. (2002). Accounting practice harmony, accounting regulation and firm characteristics. *ABACUS*, 38(1).

51. Roudaki, J. (2008). Accounting profession and evolution of standard setting in Iran. *Journal of Accounting, Business & Management*, 15, 33-52.

52. Spathis, C., and Georgakopoulou E. (2007). The adoption of IFRS in South Eastern Europe: the case of Greece. *Int. J. Financial Services Management*, 2(1/2), 50-63.

53. Taylor, M. E., and Jones R. E. (1999). The use of International Accounting Standards terminology, a survey of IAS compliance disclosure. *The International Journal of Accounting*, 34(4), 557-570.

54. Tzovas, C. (2006). Factors influencing a firm's accounting policy decisions when tax accounting and financial accounting coincide. *Managerial Auditing Journal*, 21(4), 372-386.

55. Zeghal, D., and Mhedhbi, K. (2006). An analysis of the factor affecting the adoption of international accounting standards by developing countries. *The International Journal of Accounting*, 41, 373-386.

## Thông tin tác giả

**Phạm Hồng Linh**, Thạc sĩ

Khoa Ngân hàng, Học viện ngân hàng

Email: linhph@hvn.edu.vn

## Summary

### Determinants of the adoption of fair value accounting under International Financial Reporting Standards- A literature review

Financial statements disclosed at fair value provide investors with more information when the assets are presented at their real value. This makes financial reporting more transparent to investors. Studies and statistics showed that the more capital markets develop, the more widely the disclosure of financial statements at fair value is. The high risk associated with the operations of banks and other financial institutions requires the adoption of stringent regulations, thus, making the industry earlier pay attention to fair value. The article reviews studies of factors that influence the adoption of fair value accounting, which include economic environment, legal and tax environment, professional environment, business environment, cultural environment, and international environment. The paper can be used to build research models as well as to assist governments in the adoption process of International Financial Reporting Standards.

Key word: fair value, financial statements, IFRS.

**Linh Hong Pham**, MEd.

Banking Faculty, Banking Academy